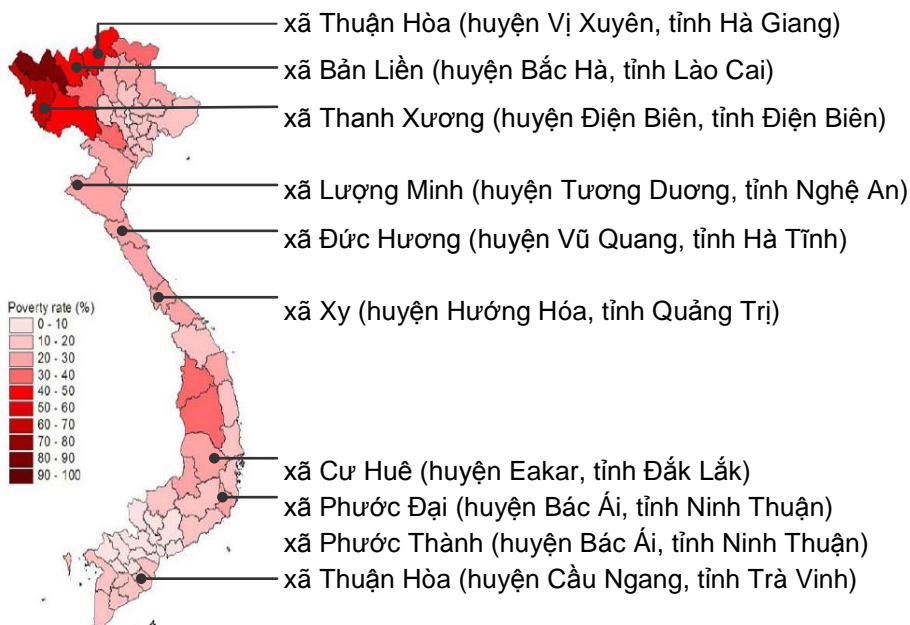


Nhìn về phía trước: Những thách thức đối với giảm nghèo nông thôn tại Việt Nam

Tóm tắt Kết quả chính của Dự án Theo dõi nghèo Nông thôn 2007-2011



Giới thiệu

Báo cáo này tóm tắt những kết quả của *Báo cáo tổng hợp Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam, 2007-2011*, do Oxfam và ActionAid cùng thực hiện. Đây là một dự án được triển khai từ năm 2007, sau khi Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Điều này đã, đang và sẽ mang đến nhiều cơ hội cho Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đặt ra những rủi ro và thách thức, đặc biệt cho nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương.

Trong bối cảnh đó, Oxfam và ActionAid, hai tổ chức quốc tế với nhiều năm hỗ trợ người nghèo và thiết yếu nhất ở Việt Nam, đã lựa chọn 9 địa điểm nông thôn và 3 địa điểm đô thị tại nhiều vùng khác nhau ở Việt Nam để thực hiện theo dõi nghèo lặp lại hàng năm. Các điểm quan trắc được chọn có tính đại diện cho sự đa dạng ở các vùng miền trong cả nước. Các cộng đồng được chọn nhằm đại diện cho sự đa dạng của nông thôn Việt Nam - có tính đến sự đa dạng địa lý và dân tộc, vùng sâu vùng xa và tình trạng nghèo, và bao gồm các cộng đồng có kết quả giảm nghèo tốt, cũng như một số xã nghèo cùng cực với tỉ lệ nghèo hơn 70%. Điều tra được thực hiện hàng năm và được trình bày trong các báo cáo năm. Dữ liệu sử dụng trong báo cáo này được lấy từ phiếu điều tra lặp lại của 600 hộ. Thông tin hàng năm còn được thu thập từ hơn 500 phỏng vấn sâu, 190 cuộc thảo luận nhóm với khoảng 1.000 người dân (người lớn và trẻ em), và cán bộ thôn, xã, huyện.

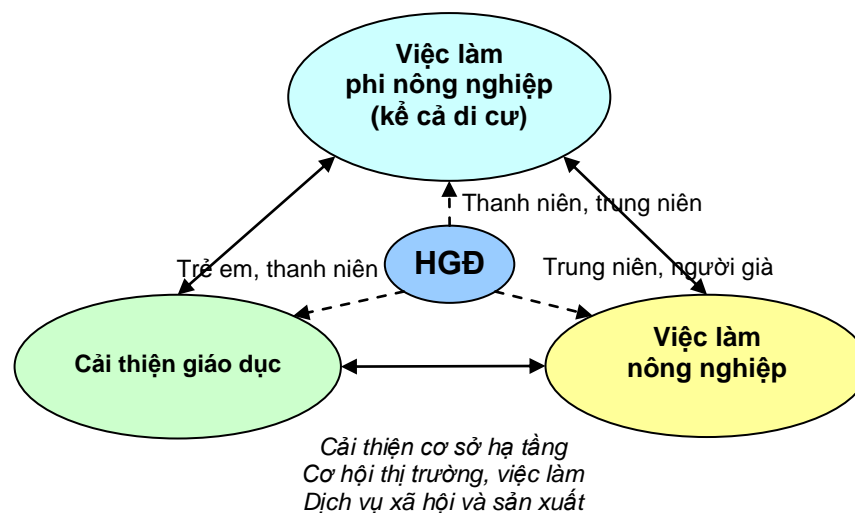
Báo cáo tổng hợp những kết quả chính cho giai đoạn 2007-2011, và báo cáo hàng năm bằng tiếng Anh và tiếng Việt có thể tải về tại <http://oxfaminvietnam.wordpress.com/resourcesbao-cao/>

Năm năm 2007-2011 là giai đoạn đầy khó khăn với công cuộc giảm nghèo của Việt Nam. Lạm phát tăng cao, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh... đã tác động trực tiếp đến đời sống của từng người dân, đặc biệt là người nghèo. Mặc dù vậy, tỷ lệ nghèo tiếp tục giảm trong thời gian qua. Những đầu tư lớn của Chính phủ giúp người nghèo có cơ hội tiếp cận tốt hơn với các tiện ích như cơ sở hạ tầng, cơ hội kinh tế, công việc phi nông nghiệp, giáo dục, y tế, vay vốn, khuyến nông lâm và nhà ở. Đã có những thay đổi tích cực trong số 600 hộ gia đình điều tra, với 55% cảm nhận rằng đời sống của họ "tốt hơn" trong 5 năm qua. Những thách thức vẫn còn phía trước dù Chính phủ đã có một số cải cách từ năm 2007 nhằm khuyến khích phát triển kinh tế và giúp các hộ gia đình còn lại thoát nghèo. Vẫn còn gần 2 trong số 5 người được hỏi tại các điểm quan trắc **không thấy** hoặc **không chắc** là cuộc sống họ có sự thay đổi, và có tới 9% còn cho rằng cuộc sống của họ "kém đi" trong 5 năm vừa qua.

55 % cho rằng cuộc sống tốt hơn và 9% cho rằng cuộc sống kém đi

Nhiều lựa chọn, nhiều cách thoát nghèo

Trong những năm qua, nông dân nghèo đã có nhiều chiến lược thoát nghèo, kết hợp hỗ trợ của chính phủ với nỗ lực bản thân – nhưng không phải đều thành công.

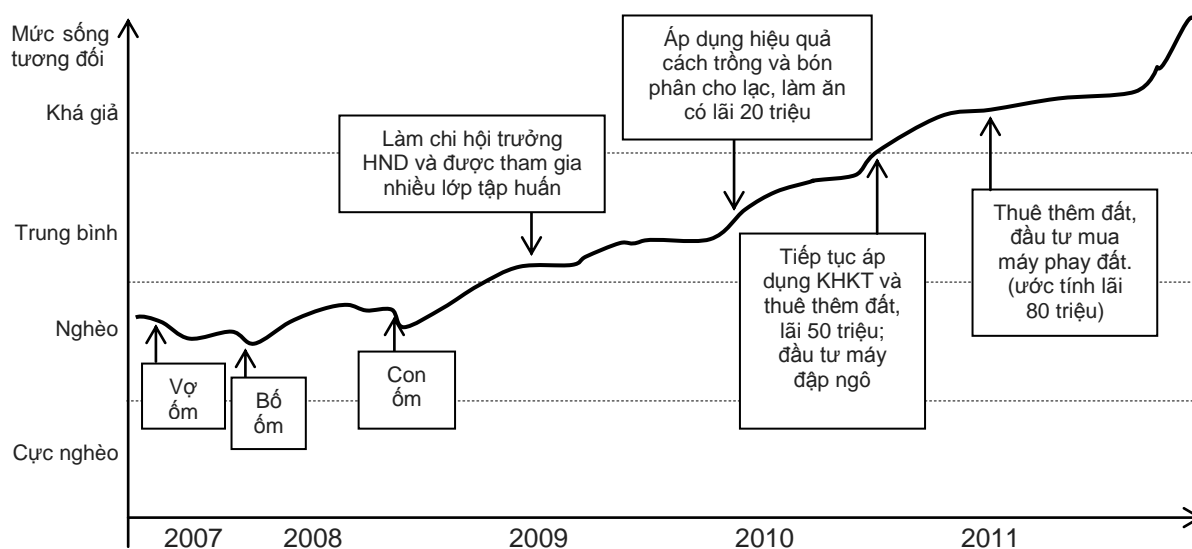


- **Đa dạng hóa chiến lược phân công lao động.** Chiến lược phân công lao động hộ gia đình khác biệt giữa các xã, các thôn, và các hộ, nhưng thường có sự **kết hợp giữa việc làm nông nghiệp và phi nông nghiệp** (và học hành) giữa các thành viên trong gia đình. **Đa dạng hóa và thâm canh** trong sản xuất nông nghiệp, tận dụng lợi thế về đất đai là rất quan trọng trong việc tăng năng suất. Việc làm phi nông nghiệp mang lại thu nhập cao hơn cho người lao động, mặc dù thường phải đi làm ăn xa. **Cơ hội lao động và thu nhập** cho nam và nữ đã tăng dần trong năm năm qua. Một số thích đi làm gần nhà, một số khác đi làm ăn ngoại tỉnh, nhưng làm ăn xa nhà không phổ biến ở các khu vực miền núi và dân tộc. Việc làm tại địa phương thường không ổn định và vì vậy thu nhập thường ít nên người dân khó để dành. Ngược lại, tiền gửi về từ nam giới và phụ nữ đi làm ăn xa đóng góp đáng kể vào tăng thu nhập hộ. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, tiền để dành và gửi về quê giảm do chi phí sinh hoạt đô thị tăng lên và thu nhập của họ tăng không tương ứng.
- **Sản xuất hàng hóa theo hướng đa dạng hóa, thâm canh và phát triển chăn nuôi.** Chiến lược đa dạng hóa kết hợp giữa cây ngắn ngày với cây dài ngày như kết hợp lúa với chè hoặc rau màu, và ngô với cà phê. Đa dạng hóa giúp người dân chống đỡ với rủi ro, tăng hiệu quả sử dụng lao động và hiệu quả sử dụng đất ở miền núi, tăng năng suất, chất lượng nông sản hàng hóa nhờ thay đổi giống, và phương thức canh tác ở vùng thấp. Tích lũy dần từ chăn nuôi giúp cho các hộ có tiền đầu tư vào làm nhà, mua sắm tài sản, mở rộng đất sản xuất, cho con ăn học. Tuy nhiên, mức sinh lời từ chăn nuôi gia súc vẫn thấp (trâu bò mỗi năm chỉ đẻ một lứa, mỗi lứa một con) và lệ thuộc vào rủi ro về thời tiết và dịch bệnh.
- **Mở rộng diện tích đất sản xuất:** Tại các địa bàn miền núi dân tộc thiểu số phía Bắc, nhiều người dân hàng năm vẫn cố gắng khai hoang thêm ruộng bậc thang nhỏ tại những nơi có nguồn nước. Tại vùng khác, nhiều nhà thuê thêm ruộng từ những người không làm ruộng. Việc dồn điền đổi thửa đã

tạo điều kiện tại một số khu vực, nhưng còn nhiều bất cập. Nhìn chung, quan trọng là phải có nguồn nhân lực.

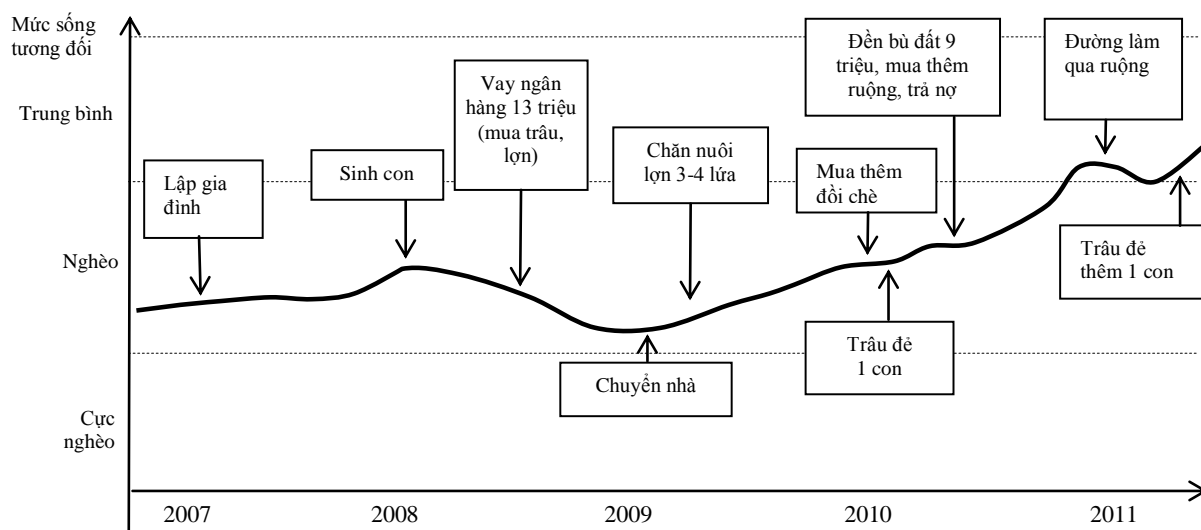
- **Chính sách hỗ trợ của Nhà nước** đã giúp người nghèo bớt khó khăn trong cuộc sống. Với những hộ đặc biệt nghèo, hỗ trợ làm nhà, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ trẻ em khuyết tật, và hỗ trợ xã hội đã giúp người nghèo bớt khó khăn.
- **Đầu tư cho giáo dục** cho thế hệ sau là đặc biệt quan trọng để cải thiện cuộc sống trong tương lai dài hạn. Tuy nhiên, hiện nay đầu tư này chưa tạo ra ảnh hưởng tích cực. Trong ngắn hạn, con em đi học cao còn là gánh nặng chi phí cho gia đình. Nhiều gia đình vay nợ để lo cho con học cao đẳng, đại học. Tại một số nơi, thanh niên đi học về không kiếm được việc, lại quay về làm nông hoặc đi làm thuê.

Cuộc sống thay đổi trong năm 2007 – 2011



Thoát nghèo nhờ biết áp dụng KHKT vào sản xuất

Những sự kiện có ảnh hưởng đến thay đổi cuộc sống trong 5 năm qua của hộ gia đình ông Đ.T.M, thôn Hương Tân, xã Đức Hương (Vũ Quang, Hà Tĩnh)



Hộ gia đình tích lũy dần từ chăn nuôi

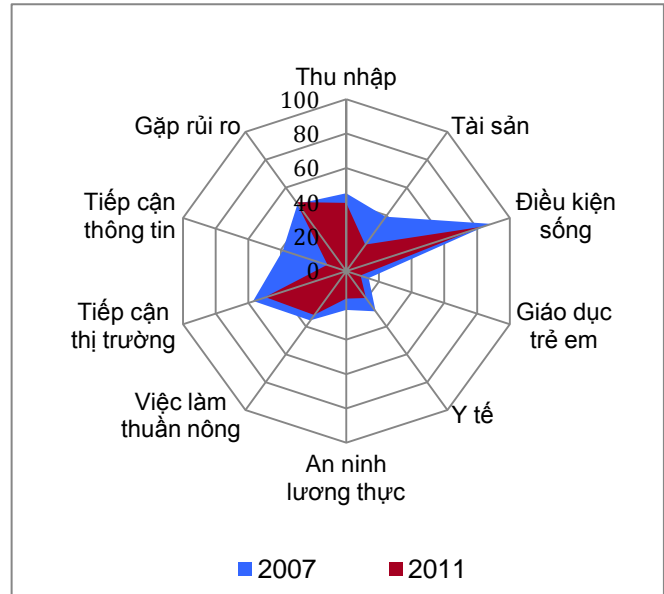
Những diễn biến chính trong năm năm qua của gia đình chị L.T.X., người Tày tại thôn Đội 1, xã Bản Liền (Bắc Hà, Lào Cai) đã thoát nghèo nhờ nuôi trâu và lợn.

Bức tranh nghèo đa chiều nông thôn, 2007-2011

Nghèo đa chiều tại Việt Nam

Nghèo không chỉ là về thu nhập hay chi tiêu. Trong xã hội ngày càng đa dạng, với nhiều cửa cái và nguồn lực hơn, phân tích nghèo đa chiều sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách xác định đầy đủ hơn đối tượng cần trợ giúp và phát triển các chính sách phù hợp với các đối tượng này. Cần hiểu và đánh giá những ý nguyện phát triển của người dân để tránh việc áp đặt, ví dụ các dân tộc thiểu số có văn hóa và truyền thống khác nhau sẽ phát triển theo hướng khác không nhất thiết phải giống như người Kinh.

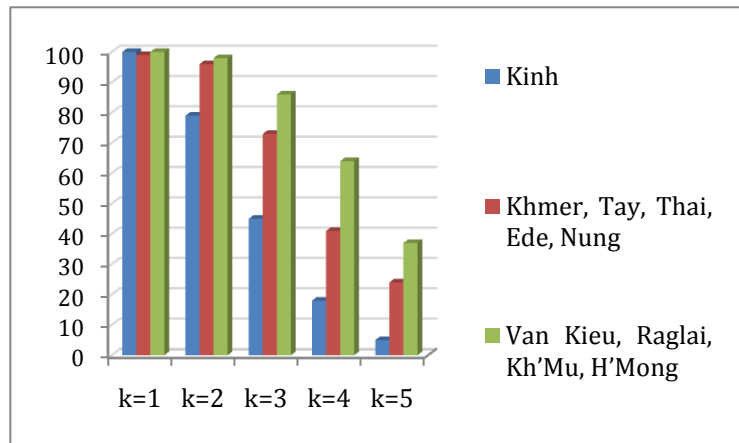
Đo lường nghèo đa chiều ngày càng được quan tâm rộng rãi trên thế giới. Tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê (GSO) và UNDP đã áp dụng cách tiếp cận đo lường nghèo đa chiều theo một số chiều khác nhau. Dự án theo dõi nghèo này của Oxfam và ActionAid sử dụng 10 chiều và tiêu chí đã được người dân và cán bộ tại các xã được điều tra nêu ra, bao gồm: thu nhập, tài sản, điều kiện sống, giáo dục trẻ em, y tế, an ninh lương thực, việc làm thuần nông, tiếp cận thị trường, tiếp cận thông tin, và gặp rủi ro như minh họa trong hình bên.



Theo những tiêu chí này, đời sống của người dân tại các điểm quan trắc có sự cải thiện về mọi mặt trong 5 năm qua. Hình trên cho thấy so sánh các chiều nghèo năm 2011 (đỏ) và năm 2007 (xanh).

Giáo dục, tài sản, an ninh lương thực và tiếp cận thông tin là 4 chiều cải thiện nhiều nhất kể từ năm 2007. Chiều tài sản như nhà ở, xe máy, gia súc và tiếp cận thông tin như ti vi, điện thoại có sự cải thiện nhiều nhất trong 5 năm qua. Điều kiện sống (điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh), việc làm thuần nông nghiệp, tiếp cận thị trường (bán sản phẩm và mua vật tư nông nghiệp) và gặp rủi ro là 4 chiều có ít sự cải thiện nhất.

Nghèo đa chiều có thể được đo theo sự thiếu hụt của từng chiều đối với mỗi gia đình. Các nhóm dân tộc thiểu số thiếu hụt nhiều hơn nhóm người Kinh, và trong các nhóm dân tộc thiểu số thì sự thiếu hụt các chiều cũng khác nhau. Hình bên cho thấy sự khác biệt của các chiều khi so sánh tỷ lệ hộ đồng thời chịu thiếu hụt từ 1-5 chiều (k).



Nghèo về thu nhập giảm ở hầu hết các địa bàn nhưng vẫn không đồng đều giữa các xã có điều kiện sản xuất hàng hóa, có nguồn thu nhập đa dạng, giữa vùng sâu vùng xa và vùng thường xuyên chịu thiên tai, với tỉ lệ bình quân 4-5% so với 2% mỗi năm. Năm 2010, do Chính phủ tăng gấp đôi chuẩn nghèo, tỷ lệ hộ nghèo ở hầu hết các địa bàn đều tăng đột biến nhưng sang năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm từ khoảng 1 – 19% tùy điểm quan trắc.

Thiếu hụt về **tài sản cơ bản của hộ gia đình**, như nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ (nhà tạm), không có xe máy hoặc không có gia súc đã giảm mạnh trong 5 năm qua. Tỷ lệ hộ sử dụng điện được cải thiện nhiều ở hầu hết các điểm quan trắc, trung bình chỉ còn khoảng 5% hộ gia đình chưa có điện lưới năm 2011 so với 15% năm 2007. Tuy nhiên, dù có cải thiện thì điều kiện sống còn rất thấp tại đa số điểm quan trắc, đặc biệt là còn thiếu nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh tạm bợ, và thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Cứ 4 trong 5 gia đình vẫn không có nhà vệ sinh hoặc chỉ có nhà vệ sinh tạm bợ

42% gia đình chưa có nước sạch

Giáo dục

Ngày càng nhiều trẻ em đi học, nhưng tỉ lệ các em trong độ tuổi từ 6-15 không đi học vẫn còn khá cao tại một số xã miền núi dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn như Bản Liền- Lào Cai, Phước Đại và Phước Thành-Ninh Thuận. Không biết tiếng phổ thông còn là vấn đề đối với người lớn; vẫn còn sự khác biệt rõ rệt giữa nam giới và phụ nữ về khả năng sử dụng tiếng Việt (nhất là đọc và viết) ở các xã miền núi dân tộc thiểu số. Nghiên cứu cho thấy giáo dục có ảnh hưởng đến vai trò và tiếng nói của phụ nữ cả trong gia đình và ngoài xã hội và tình trạng nghèo giữa các thế hệ.

Y tế

Tình hình dịch bệnh giảm, ít các bệnh tật phải đi khám tại các trạm y tế trong 5 năm qua. Ngày càng có nhiều nhân viên y tế ở hầu hết các địa bàn khảo sát: bác sĩ, cộng tác viên dinh dưỡng, cộng tác viên dân số, và mạng lưới y tế thôn. Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ tại trạm y tế, đi khám thai, khám phụ khoa tăng mạnh. Tỷ lệ người hài lòng với dịch vụ y tế tăng lên, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số, chủ yếu do người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; tỉ lệ trả lời “không hài lòng” giảm từ 16% năm 2007 còn 6% năm 2011.

Nhiều người dân ở các vùng dân tộc thiểu số trước đây thờ cúng để chữa bệnh nay đã đến cơ sở y tế

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng vẫn còn khá cao ở một số xã đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ cao nhất là ở Xy – Quảng Trị với khoảng một nửa trẻ suy dinh dưỡng (thể gầy còm).

Năm 2007 cứ 3 trẻ thì có 1 suy dinh dưỡng, tỉ lệ năm 2011 là 4 trẻ thì có 1 em suy dinh dưỡng

An ninh lương thực

Là nước đứng đầu trong việc xuất khẩu một số nông sản nhưng nhiều nhóm dân số vẫn chưa đủ ăn. Năm 2007, có 23% hộ gia đình được phỏng vấn tại các điểm quan sát thiếu lương thực. Mặc dù tỉ lệ này giảm đi gần 1/3 vào năm 2011, số tháng thiếu lương thực thường xuyên của hộ gia đình lại tăng thêm 6 tuần mỗi năm. Tại mỗi địa bàn vẫn còn một bộ phận người dân thuộc diện "nghèo lõi" thường xuyên thiếu ăn do khuyết tật, ốm đau dài ngày, già yếu cô đơn, đơn thân... đi kèm với nhiều hạn chế khác, như thiếu đất sản xuất, đất xấu, sống ở vùng thường xuyên chịu thiên tai...

2007: 23% hộ gia đình thiếu ăn trung bình 3,3 tháng

2011: 16% hộ gia đình thiếu ăn 4,9 tháng

Việc làm thuần nông nghiệp

Vẫn còn khoảng 1/3 số hộ gia đình có nguồn thu nhập chính là nông nghiệp, giảm khoảng 4% sau 5 năm. Tuy nhiên, người dân địa phương cho rằng chỉ làm nông nghiệp mà không có thu nhập từ các nguồn thu khác là một tiêu chí nghèo. Thu nhập phi nông nghiệp chủ yếu từ lương, trợ cấp xã hội, và từ đi làm thuê, đi làm ăn xa.

Tiếp cận thị trường

Hạn chế về tiếp cận thị trường đã giảm trong 5 năm qua, nhưng còn sự chênh lệch lớn giữa các địa bàn. Nhìn chung, tỷ lệ hộ không bán sản phẩm (không tính những sản phẩm nhỏ lẻ, thu hái trong rừng) và không mua vật tư nông nghiệp trong 12 tháng đã giảm từ 10 - 12% nhưng vẫn ở mức khá cao tương ứng là 30% và 42%. Cải thiện cơ sở hạ tầng và thông tin liên lạc đã giúp người dân tiếp cận thị trường tốt hơn.

Tiếp cận thông tin

Tiếp cận thông tin đã tăng nhanh trong 5 năm qua nhìn vào con số người có TV và điện thoại.

39% hộ gia đình không có TV năm 2007 giảm còn 18% năm 2011
Số người không có điện thoại giảm 2/3 trong thời gian từ 2007-2011

Điện thoại bàn, di động đã giúp người dân trao đổi thông tin, các hoạt động cộng đồng và buôn bán. Tuy nhiên, nhiều xã vùng sâu không có điện lưới và điện thoại. Tại một số địa bàn khác, sóng điện thoại kém và không ổn định.

Rủi ro: Cảm nhận về rủi ro của người dân tại các điểm quan trắc tăng lên trong 5 năm qua; 6 trên 10 xã được nghiên cứu cho thấy có rủi ro tăng lên ảnh hưởng đời sống người dân trong 12 tháng qua với tỉ lệ trung bình là 10%. Rủi ro gây thiệt hại trực tiếp về tài sản, nhà cửa, vật nuôi, lương thực, năng suất cây trồng, người dân còn chịu những ảnh hưởng lâu dài như đất sản xuất bị bạc màu, mất nguồn vốn để trả nợ và tái sản xuất.

Rủi ro chính ảnh hưởng đến đời sống người dân là thiên tai, sâu bệnh/dịch bệnh, ốm đau/bệnh tật, thời tiết bất lợi

Nhiều rủi ro: cả mới lẫn cũ

Rủi ro và cú sốc làm gia tăng tính dễ bị tổn thương của người dân đang là thách thức lớn nhất đối với giảm nghèo bền vững

Thiên tai và các hiện tượng thiên nhiên bất lợi khác ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân tại các điểm quan trắc trong 5 năm qua bao gồm bão, lũ, hạn hán kéo dài, mưa và rét hại. Thiên tai nhìn chung đứng thứ hai trong các rủi ro chính ảnh hưởng đến các hộ gia đình trong năm 2011, đặc biệt là ở các điểm quan trắc tại Nghệ An và Ninh Thuận.

Tại Lào Cai, đợt rét đậm rét hại cuối năm 2007 và đầu 2008 đã làm chết 18.760 gia súc; một đợt rét khác cuối năm 2010 đầu 2011 đã làm chết thêm 14.030 con

Các chiến lược đối phó thiên tai: i) trong gia đình: giảm chi tiêu, mua chịu, tăng cường làm thuê và sinh kế dựa vào thiên nhiên, như săn bắt và lấy măng; ii) trong cộng đồng: thông qua hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp của họ hàng, cộng đồng, chính quyền, người hảo tâm và các nhóm dựa vào cộng đồng. Tuy nhiên, những biện pháp này dù có ích cũng không hoàn toàn làm giảm rủi ro thiên tai.

Các hạn chế khác: Các biện pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng chủ yếu hướng tới cứu trợ chứ không phải là quản lý rủi ro. Nhìn chung còn thiếu các hoạt động đánh giá rủi ro, đào tạo về quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Quản lý rủi ro chưa được chú trọng lồng ghép vào lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Sâu bệnh/dịch bệnh ảnh hưởng nặng nề tới các xã trong thời gian 2007-2011. Sản lượng lúa có thể bị ảnh hưởng tới 20-30%. Nhóm nghèo nhất chịu tác động nhiều hơn các nhóm khá giả vì họ không có đủ nguồn lực để phòng ngừa. Hàng năm các địa phương đều có các hoạt động hỗ trợ người dân trong công tác phòng trừ sâu bệnh nhưng hiệu quả không cao. Các hệ thống canh tác cải tiến trên cây trồng đã được phổ biến tại một số địa bàn, nhưng người dân ít áp dụng do các mô hình và biện pháp hỗ trợ còn nhỏ lẻ, và do những hạn chế về đất đai, thủy lợi, tập quán canh tác cũ.

70% người được hỏi cho rằng dịch bệnh, sâu bệnh ảnh hưởng tới cuộc sống của họ nhất

Hầu hết các cộng đồng cho rằng **tình trạng đất sản xuất bị thoái hóa** là vấn đề lớn. Áp lực lên đất ngày càng cao do đất không mở rộng trong khi dân số ngày càng tăng. Thời gian “luân canh bỏ hóa” trên đất nương rẫy ở các xã miền núi ngày càng ngắn lại, dẫn tới độ màu của đất giảm. Nắng hạn hoặc mưa lớn kéo dài tại các xã miền núi khiến đất nương rẫy dốc ngày càng thoái hóa. Tình trạng lạm dụng quá mức lượng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất tại một số xã vùng thấp cũng là nguyên nhân làm cho đất xấu đi. Một số chương trình giúp cải tạo đất được thực hiện tại các xã khảo sát trong những năm gần đây tuy nhiên còn ít người dân áp dụng các biện pháp cải tạo đất này.

Trong khi đó, **giá cả thị trường không ổn định**, ví dụ như cà phê và sắn, khiến sản xuất thiếu bền vững. Do chạy theo tín hiệu giá ngắn hạn, người dân tại một số địa phương sẵn sàng phá bỏ những loại cây trồng cũ, dẫn đến tính bền vững thấp và lợi nhuận kém. Canh tác hợp đồng tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức. Người nghèo khó tham gia các hình thức canh tác hợp đồng đòi hỏi qui mô lớn, trình độ thâm canh cao hoặc cần nhiều lao động để quản lý xói mòn đất, hạn hán, sâu và dịch bệnh. Giá cả không thuận lợi cũng ảnh hưởng đến an ninh lương thực vì giá bán khi thu hoạch thấp và giá mua lương thực thì cao.

Nhiều nông dân sẵn sàng đổi cây trồng vì chạy theo tín hiệu giá ngắn hạn nên dễ gặp rủi ro

Tại cấp độ hộ gia đình, **đau ốm** là một rủi ro chính với sinh kế. Đau ốm dẫn tới thiếu lao động và chi phí y tế cao. Đây là một nguyên nhân chính khiến các hộ khó thoát nghèo hoặc bị rơi vào nghèo.

Năm 2011, hơn ¼ số hộ gia đình được hỏi bị ảnh hưởng bởi đau ốm hoặc tai nạn, dẫn tới chi phí y tế cao và mất thu nhập

Chống đỡ với biến động giá

Lạm phát tăng cao là một vấn đề nóng của Việt Nam kể từ năm 2007 đến nay. Theo TCTK, năm 2008, tỉ lệ lạm phát ở Việt Nam là gần 23%, và năm 2011 là 18,58 %.

Lạm phát là một thách thức lớn đối với ổn định kinh tế vĩ mô cũng như đối với đời sống người dân tại các điểm quan trắc

Tương quan giữa tăng giá nông sản, vật tư và lương thực-thực phẩm khác nhau ở từng địa bàn, tùy thuộc vào “độ mở”, khả năng tận dụng biến động giá, hoặc bị ảnh hưởng. Tại những xã có điều kiện sản xuất hàng hóa lớn, giá bán bình quân trong năm 2011 của sản phẩm lúa và ngô tăng khoảng 25-30%, cà phê tăng khoảng 50%, trong khi giá các vật tư đầu vào chính tăng khoảng 25-30% so với năm 2010. Tại một số địa bàn khác, mức tăng của giá bán các nông sản chính lại thấp hơn mức tăng của giá vật tư, hình thành “giá cánh kéo” gây bất lợi cho nông dân.

Bên cạnh tác động của lạm phát, **giá cả biến động mạnh theo thời vụ** do bị ảnh hưởng lớn của thiên tai, dịch bệnh và thị trường thế giới. Tại các điểm quan trắc, giá bán lúa, ngô, cà phê vào cuối vụ thu hoạch thường cao hơn ít nhất 20-30% so với giá đầu vụ hoặc chính vụ thu hoạch.

Đại lý giảm lượng cho vay vật tư khi giá biến động. Hợp tác xã và tổ chức nông dân làm dịch vụ vật tư nông nghiệp có thể giúp nông dân chống đỡ với giá biến động, nhưng hình thức hỗ trợ này còn ít và nhỏ lẻ. Chỉ có 2 trên 10 điểm quan trắc có HTX hoặc hội đoàn thể hoạt động tương đối hiệu quả trong việc bán phân bón cho các hội viên.

Có sự **khác nhau rõ rệt về tác động của biến động giá** đến hiệu quả sản xuất của các loại cây trồng, vật nuôi chính tại các điểm quan trắc. Ví dụ như hộ trồng lúa hàng hóa thâm canh năm 2011 tăng thu nhập khoảng 30% so với vụ mùa năm 2010, tương tự với hộ trồng cà phê thu nhập tăng 20%. Tuy nhiên, thu nhập của hộ trồng ngô giảm 10-15% so với năm 2010. Thu nhập chính vụ của hộ trồng sản quy mô sản xuất hàng hóa tăng nhưng lại giảm mạnh ở vụ tiếp theo, trong khi thu nhập của hộ chăn nuôi lợn không ổn định trong năm 2011.

Nếu qui ra sức mua tương đương, phúc lợi của đa số nông dân giảm đi

Người nghèo rất nhạy cảm với giá vật tư tăng, và được hưởng lợi ít khi giá bán nông sản tăng. Người nghèo càng giảm mạnh việc sử dụng phân bón và vật tư mua ngoài khi giá tăng cao, dẫn đến năng suất cây trồng thấp. Khi tín hiệu thị trường không rõ ràng, **nông dân thường không có khả năng phản ứng một cách có chiến lược** và không tận dụng được giá cao so với các hộ khá giả hơn. Thông tin thị trường và kiến thức có thể giúp cho nông dân có quyết định đầu tư và sản xuất tốt hơn.

Phương án sinh kế ứng phó của nông dân chủ yếu là tăng vụ ngắn ngày, sử dụng ít phân bón và nhiều giống địa phương hơn, hoặc chuyển sang mô hình đầu tư chăn nuôi ít vốn. Tăng giá cũng đồng thời có một vài tác động tốt. Để giảm chi phí, nhiều người đã đổi công và có phương án chia sẻ chi phí, ví dụ như chi phí vận chuyển hàng đến chợ. Tại một số nơi, nhiều người đã tìm cách tăng chất lượng sản phẩm, hoặc chuyển về dùng giống địa phương với giá bán được đoán là sẽ cao hơn và ít sử dụng đầu vào thương mại.

Phương án phổ biến của người nghèo là **tiết kiệm chi tiêu**, đặc biệt là mua thịt cá và chuyển sang thực phẩm rẻ hơn, như trứng, đậu hay cá khô, hoặc đồ ăn tự đánh bắt; giảm tiêu thụ điện. Các loại chi phí xã hội cho lễ đám trong năm cũng được người nghèo cắt giảm tối đa. Tại các xã vùng núi dân tộc thiểu số, khi giá lương thực tăng, người nghèo thường dựa vào thiên nhiên, như đi hái rau, măng hoặc nhặt củi, câu cá để cải thiện bữa ăn và có thêm thu nhập. Tuy nhiên, điều này làm tăng áp lực lên thành viên gia đình, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Tại các địa bàn khảo sát ở vùng miền núi, **người nghèo được Nhà nước cấp gạo** cứu đói vào thời điểm giáp hạt, hoặc cấp tiền khi giá cả tăng theo Quyết định 471/QĐ-TTg, được người dân hoan nghênh. Đây là những hỗ trợ kịp thời, giúp người nghèo giảm bớt khó khăn. Tuy nhiên không có chính sách hỗ trợ đột xuất riêng cho nhóm bảo trợ xã hội (theo Nghị định 67 và Nghị định 13) về mức độ và nhóm người được nhận hỗ trợ, nên nhiều người bị ảnh hưởng tiêu cực vì giá tăng không nhận được hỗ trợ. Khi điều chỉnh tăng giá điện vào tháng 3/2011, hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp được hỗ trợ về giá điện ưu đãi, và hộ nghèo được hỗ trợ theo Quyết định 268/QĐ-TTg, nhưng đối với các hộ dùng chung công tơ tổng không được hưởng chính sách hỗ trợ về giá điện ưu đãi, do việc xác định mỗi hộ dùng dưới 50 Kwh/tháng không thực hiện được.

Tiếng nói và lựa chọn của phụ nữ

Chưa có nhiều thay đổi cơ bản về vai trò giới trong 5 năm qua tại các điểm quan trắc

Vai trò giới trong gia đình thường gắn với văn hóa, những giá trị và khuôn mẫu, định kiến lâu đời của mỗi nhóm dân tộc nên **không dễ thay đổi**. Nam giới vẫn chiếm ưu thế trong các công việc được coi là việc "nặng", cần "kỹ thuật", cần "tính toán" và cần "quan hệ xã hội". Phụ nữ vẫn là người chịu trách nhiệm chính với các công việc được coi là việc "nhẹ", việc "vặt", việc "trong nhà" tốn thời gian và không kém phần vất vả. Trong các hộ nghèo, phụ nữ thường là người vất vả nhất trong việc lo toan cuộc sống gia đình, dẫn đến khó phát huy vai trò tích cực của phụ nữ trong các hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội.

Có một số thay đổi nhỏ tại các điểm quan trắc. Hiện nay, nhiều nam giới trẻ người dân tộc thiểu số đã chủ động chia sẻ việc nội trợ, chăm sóc con cái với phụ nữ. Đầu tư của các công trình hạ tầng cơ sở như hệ thống giao thông, điện, nước giúp giảm gánh nặng lao động của phụ nữ. Cải thiện tài sản gia đình như bếp ga, tủ lạnh giúp phụ nữ có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn.

Phụ nữ tham gia nhiều nhất vào chuỗi thị trường các cây ngắn ngày, sản phẩm có giá trị thấp, ngược lại, nam giới vẫn là người tham gia chính vào chuỗi thị trường các cây dài ngày, sản phẩm có giá trị cao như trâu, bò, lợn, cà phê, tiêu và tôm sú. Ở các địa bàn miền núi dân tộc thiểu số xa xôi, năm 2007 việc mua bán chủ yếu là công việc của nam giới, thì tới năm 2011 nhiều phụ nữ đã chủ động nắm giữ tài chính trong gia đình và trực tiếp mua bán hàng hóa giá trị nhỏ. Những nguyên nhân chính là sự cải thiện về cơ sở hạ tầng và thông tin truyền thông; sự xuất hiện ngày càng nhiều cửa chợ, hàng quán, người bán hàng rong tại địa phương; và trình độ học vấn của nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số trẻ được nâng lên.

Phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động mua bán nhiều hơn năm năm trước

Các trường hợp **bạo lực thể xác** được ghi nhận **đã giảm ở tất cả các điểm quan trắc**. Có ít trường hợp bạo lực gia đình phải đưa lên xã giải quyết hơn so với cách đây 5 năm, và quan niệm của cộng đồng về bạo lực gia đình cũng thay đổi. Năm 2007, người dân thường quan niệm bạo lực gia đình là việc riêng của các gia đình để tự gia đình giải quyết, nhưng giờ đã khác. Ở nhiều nơi phụ nữ chủ động đến khai báo với các trường thôn về hành vi đánh đập của chồng hoặc chia sẻ trong các buổi sinh hoạt Hội Phụ nữ để chị em thông cảm và giúp đỡ. Nguyên nhân khiến bạo lực về thể xác giảm xuống phải kể đến vai trò tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình của Hội Phụ nữ. Chính quyền đã quan tâm hơn trong việc bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình. Tuy vậy bạo lực tinh thần khó nhìn thấy và xử lý hơn. Người phụ nữ thường nhẫn nhịn, nên khi bị bạo lực tinh thần bởi chồng họ không để lộ thông tin ra ngoài.

Người dân đã cởi mở hơn khi nói về bạo lực gia đình, và chăm lo cho người bị ảnh hưởng nhiều hơn

Tỷ lệ phụ nữ tham chính ở cấp xã tăng nhẹ trong 5 năm qua.

Căn cứ vào chỉ tiêu "*Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào HĐND xã đạt 20%; cấp Ủy đạt 15%*" trong Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ giai đoạn 2001- 2010, đến năm 2010 đa số xã ở vùng thấp, vùng đông người Kinh hoặc ở trung tâm huyện đã hoàn thành. Đa số những xã miền núi dân tộc thiểu số còn lại chưa hoàn thành các chỉ tiêu này, do trình độ học vấn thấp, thiếu kinh nghiệm lãnh đạo, nhưng lý do chính vẫn là do định kiến giới.

Định kiến giới vẫn là một nguyên nhân quan trọng khiến tỷ lệ phụ nữ tham gia các cơ quan địa phương thấp

Tại hầu hết các điểm quan trắc, người dân vẫn nghĩ rằng phụ nữ tham gia hoạt động xã hội khó, và nam giới ở vị trí lãnh đạo thì tốt hơn phụ nữ

Ban vì sự tiến bộ phụ nữ hoạt động chưa hiệu quả trong 7 trên 10 xã nghiên cứu, ảnh hưởng đến việc giới thiệu và đào tạo cán bộ nữ. Tại nhiều điểm quan trắc, vai trò và tiếng nói của phụ nữ là đại biểu HĐND hoặc cấp Ủy còn hạn chế. Đại biểu phụ nữ thường tự ti về hiểu biết của mình nên ngại phát biểu.

Tham gia, tiếng nói và quyền năng

Tăng cường hiệu quả của các nỗ lực giảm nghèo đang đặt ra yêu cầu cấp bách tăng cường sự tham gia và quyền năng để từng người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng làm chủ quá trình vươn lên phù hợp với văn hóa, bản sắc của mình.

Tại các điểm quan trắc đã có những cải thiện về sự tham gia trong 5 năm qua, tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức.

Người dân tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình, dự án tốt hơn trong 5 năm qua

Kênh thông tin ưa thích

Kênh	Đặc điểm	Thuận lợi, khó khăn
Trực tiếp: họp thôn, sinh hoạt đoàn thể (ví dụ như Hội Phụ nữ)	Ưu thích nhất: kịp thời, có trao đổi hai chiều	+ Được giải thích bằng tiếng địa phương, - Người nghèo ít nói, và ít nhớ nội dung
Nghe nhìn: TV, radio và phát thanh	Cung cấp thông tin một chiều	+ Có kênh TV tiếng dân tộc, dễ hiểu với hình ảnh nhưng thông tin không cụ thể. - Phát thanh không hấp dẫn
Tài liệu in: Báo, tạp chí, tờ rơi, pa nô, áp phích	Ít người tiếp cận được, tài liệu in không hiệu quả	- Nhiều người nghèo không biết chữ. + Thông tin in đẹp, có thể giữ lâu (treo, dán ở nhà)

Người dân, đặc biệt ở vùng núi dân tộc thiểu số, thường không tự tìm kiếm thông tin nếu không đem lại lợi ích cho họ

Nhu cầu thông tin phụ thuộc nhiều vào mức sống và sự hiểu biết của người dân. Nhìn chung, người dân tại những vùng thấp hoặc có đồng người Kinh sinh sống quan tâm nhiều hơn đến thông tin về việc làm, khuyến nông, chính sách hỗ trợ, pháp luật, các khoản đóng góp và chi tiêu tài chính tại địa phương... Trong khi đó, người dân tại những địa bàn miền núi dân tộc thiểu số quan tâm hơn đến các chính sách hỗ trợ trực tiếp như xét hộ nghèo, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ làm nhà, cấp giống.

Những thông tin chung như kế hoạch phát triển KT-XH, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, qui hoạch sử dụng đất ít được người dân quan tâm. Tuy nhiên, khi các chương trình, dự án được thực hiện theo phương pháp tham gia sẽ thúc đẩy nhu cầu thông tin của người dân.

Đo lường cảm nhận của người dân về sự tham gia trong 5 năm qua cho kết quả đan xen. Theo người dân, "năng lực của cán bộ địa phương cao hơn" và "thông tin về chính sách rõ ràng, cụ thể hơn" là hai lý do chính dẫn đến sự tham gia tốt hơn. Tuy nhiên, sự tham gia của người dân trong bước thiết kế, lập kế hoạch vẫn chưa cải thiện đáng kể trong chính sách công. Ngay cả cán bộ xã, thôn thường ít có cơ hội tham gia ý kiến trong khâu thiết kế, lập kế hoạch.

Tại một nửa số điểm quan trắc, tỉ lệ người cho rằng "tham gia tốt hơn trong 12 tháng qua" năm 2011 có cao hơn năm 2007

Giám sát đầu tư của cộng đồng hiệu quả đối với các công trình nhỏ do xã làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, đối với một số công trình do cấp trên làm chủ đầu tư, người dân không phải đóng góp tiền hay công lao động, Ban giám sát cộng đồng chưa được nhà thầu tạo điều kiện để giám sát theo đúng chức năng của mình qua việc không chia sẻ thông tin. Ban giám sát chưa đủ năng lực để giám sát cũng là một lý do hạn chế giám sát cộng đồng.

Riêng với các chính sách, sáng kiến cộng đồng xây dựng công trình nhỏ tại thôn, người dân vẫn thể hiện tốt quyền làm chủ thông qua sự chủ động, tích cực tham gia trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án. Trong 5 năm qua, tại các điểm quan trắc có nhiều sáng kiến cộng đồng hoàn toàn do người dân đóng góp và thực hiện.

Vốn xã hội và quan hệ cộng đồng được giữ gìn tại tất cả các điểm quan trắc, cung cấp hỗ trợ quan trọng cho thành viên cộng đồng trong trường hợp thiếu đói, thiên tai hay ốm đau. Người dân có thể vay mượn lương thực từ họ hàng, hàng xóm hoặc quỹ làng. Tại nhiều nơi, có truyền thống đổi công vẫn được lưu giữ và được coi là một phương án đối phó. Nhiều dòng họ đóng vai trò tốt trong việc khuyến khích học tập, giữ gìn trật tự an ninh xã hội và giúp đỡ họ hàng khi cần. Có nhiều loại nhóm hoạt động,

giúp cho thành viên tham gia học tập và chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường tiếp xúc xã hội và vốn xã hội cho họ. Tại nhiều nơi, người dân góp công, nguyên vật liệu và tiền để xây các cơ sở hạ tầng công cộng nhỏ có ích cho cộng đồng, như đường làng hoặc trụ sở thôn.

Tuy nhiên, tại một vài nơi, vốn xã hội kém đi do yếu tố thị trường. Tại các xã vùng thấp, truyền thống đổi công mai một dần vì các nhà khá giả có đất thường thuê nhân công hoặc máy móc. Tại những nơi có nhiều người đi làm xa nhà, hoạt động của các nhóm địa phương là một thử thách. Tham gia cưới hỏi đám giỗ phải có “tiền mừng”, tạo ra gánh nặng về chi phí xã hội cho người nghèo.

Các thiết chế cộng đồng có thể đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy sự tham gia của người dân vào các chương trình, dự án, nhưng mức độ hoạt động có khác nhau.

Trường thôn có vai trò quan trọng nhất trong việc thúc đẩy sự tham gia của người dân trong thôn, tuy nhiên phụ cấp thấp và có nhiều chi phí khác nên nhiều người không muốn làm trường thôn. Các trường thôn rất ít được tham gia các lớp đào tạo bài bản trong 5 năm qua, nên hiểu biết về chính sách còn hạn chế.

Già làng kể cả già làng truyền thống hay mới được bầu đều đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp người dân. Họ hỗ trợ BQL thôn trong việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chính sách, chủ trương của địa phương, xây dựng nếp sống văn hóa, giải quyết các xích mích trong thôn bản.

Các tổ nhóm nông dân (như Nhóm bảo vệ rừng cộng đồng, Ban xây dựng, Ban quản lý nguồn nước, Ban phát triển cộng đồng, Tổ liên gia, v.v.) hoạt động tốt trong những năm qua vì họ được thành lập từ sự quan tâm của người dân. Các nhóm này thực hiện nhiều chức năng cộng đồng và hoạt động tự nguyện với sự thống nhất của thành viên. Họ có thể khuyến khích sự tham gia và trao quyền của người dân trong việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án cho phù hợp với tập quán, thực tiễn và điều kiện kinh tế xã hội địa phương,

An sinh xã hội

Khi đói nghèo tập trung cao hơn, các biện pháp an sinh xã hội là cần thiết. Thường có 3 loại hỗ trợ xem hình minh họa. Khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, thiết kế và thực thi hiệu quả hệ thống an sinh xã hội (ASXH) là cực kỳ quan trọng.

Cơ chế xác định đối tượng trong các chính sách ASXH của Việt Nam không đầy đủ và còn hạn chế, không xác định được các nhóm nghèo khác nhau, và sử dụng các tiêu chí và định nghĩa trùng lặp. Mỗi chính sách có cơ chế xác định đối tượng khác nhau, thường không thống nhất.

“Danh sách hộ nghèo”, một tiêu chí để xác định người được hưởng lợi từ an sinh xã hội và các chính sách hỗ trợ khác thường có hạn chế tại các điểm quan trọng. Hộ gia đình muốn mình vẫn “nằm trong danh sách” để được nhận hỗ trợ, làm giảm cơ hội các hộ khác được đưa vào danh sách.



Chuyển từ nhóm nghèo sang cận nghèo đồng nghĩa với việc mất ngay một loạt các hỗ trợ chính sách như bảo hiểm y tế miễn phí, vốn ưu đãi, cấp giống, hỗ trợ xóa nhà tạm, hỗ trợ tài chính cho học phí, trợ giá điện, v...v.

Điều này làm điều tra nghèo hàng năm khó khăn, vì nhiều người không công bố thông tin thu nhập, bị sót và lọt đối tượng hỗ trợ, và tạo ảnh hưởng không tốt với cộng đồng và tâm lý thụ động chờ đợi.

Những lý do khác dẫn tới thông tin nghèo không chính xác như các cán bộ và người dân chỉ ra là: chuẩn nghèo hiện không được điều chỉnh phù hợp với chi phí tối thiểu bị ảnh hưởng bởi lạm phát, giá thay đổi, thiếu đào tạo về nghèo cho cán bộ, và áp lực chỉ tiêu nghèo đã định sẵn.

Hỗ trợ xã hội (theo Nghị định 67) nhìn chung đã tới đúng đối tượng tại các điểm quan trắc và giúp các gia đình khó khăn này giải quyết một phần chi phí cuộc sống.

Gần đây mức hỗ trợ thấp nhất được điều chỉnh từ 120.000 đồng lên 180.000 đồng/tháng, tuy nhiên mức này vẫn quá thấp so với chi phí sinh hoạt đất đỏ hiện nay.

Số hộ gia đình nghèo tại các điểm quan trắc nhận được hỗ trợ theo Nghị định 67 còn thấp. Thêm nữa, Nghị định 67 tập trung vào một số nhóm đặc biệt (người già, khuyết tật, mồ côi, người đơn thân có con nhỏ, v.v.) chứ không phải nhóm người dễ bị tổn thương.

Cứ mười gia đình nghèo thì chỉ có một hộ nhận được hỗ trợ xã hội từ Nghị định 67

Nhìn chung sự cởi mở và minh bạch trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ xã hội còn hạn chế vì người dân chưa biết nhiều về chi tiết các chính sách đó. Mẫu giấy tờ áp dụng còn khó cho người dân tộc thiểu số vì trình độ học vấn thấp, và thiếu giấy tờ kèm theo như giấy khai sinh hoặc chứng nhận tàn tật.

Các nhóm nghèo

Hỗ trợ cần phải phù hợp với nhu cầu của các hộ gia đình có chung đặc điểm

- **Nhóm nghèo “kinh niên”:** Bao gồm người thiếu sức lao động, do ốm đau, tàn tật, già yếu, cô đơn, đông con nhỏ... Người nghèo kinh niên thường thiếu đất hoặc đất chất lượng thấp, trình độ văn hóa thấp, không biết tiếng Kinh, chủ yếu đi làm thuê. Khả năng chống đỡ rủi ro của hộ nghèo kinh niên rất kém. Nhóm này có thể nghèo trong bốn năm liên tiếp hoặc nhiều hơn, và không có khả năng thoát nghèo, và có thể kéo dài qua nhiều thế hệ. Nhóm này thường thiếu lương thực, phải dựa vào lương thực do họ hàng hoặc hàng xóm cho. Các chính sách an sinh xã hội cũng có hỗ trợ một phần các hộ gia đình nghèo kinh niên. Tuy nhiên, đáp ứng nhu cầu của từng nhóm hộ gia đình sẽ giúp đảm bảo mức sống tối thiểu. **Tính bình quân có 23% hộ khảo sát thuộc diện nghèo "kinh niên".**
- **Nhóm nghèo tạm thời:** chiếm đa số trong tổng số hộ nghèo. Nhóm nghèo tạm thời là có lao động nhưng thiếu năng lực và cơ hội như thiếu vốn, thiếu kiến thức kỹ thuật, thiếu tiếp cận thị trường. Chính sách hiệu quả nên hướng vào việc nâng cao năng lực, tạo cơ hội và giảm hỗ trợ trực tiếp cho nhóm nghèo tạm thời.
- **Nhóm nghèo dễ bị tổn thương:** thường sống ở vùng thường xuyên bị thiên tai. Chính sách nên tập trung vào giảm rủi ro thiên tai, đặc biệt do biến đổi khí hậu. Hộ gia đình dễ bị tổn thương còn do gặp ốm đau, dịch bệnh, sâu bệnh, và tai nạn. Các nhóm khác có đặc điểm xã hội riêng như thường sống biệt lập, nghiện hút. Chính sách hỗ trợ nên tập trung vào giảm rủi ro cụ thể và hỗ trợ sinh kế.
- **Nhóm cận nghèo:** là nhóm mới thoát nghèo và thường điều kiện sống của họ không khá hơn nhóm nghèo bao nhiêu. Các hộ gia đình cận nghèo cũng không có tiết kiệm. Thường họ cần có hệ thống chính sách hỗ trợ như nhóm nghèo tạm thời.

Tiếp cận dịch vụ khuyến nông

Tiếp cận dịch vụ khuyến nông, lâm, ngư nghiệp có thể giúp giảm nghèo ở nông thôn

Một tỷ lệ đáng kể hộ gia đình đã tiếp cận các dịch vụ khuyến nông cơ bản, tuy nhiên tỷ lệ hộ tiếp cận các dịch vụ chuyên sâu còn thấp.

Khoảng một nửa hộ gia đình được phỏng vấn cho biết đã tiếp cận với ít nhất một dịch vụ khuyến nông trong 12 tháng qua, tỉ lệ này tương đương so với năm 2007

Trong đó, dịch vụ phổ biến nhất là “tập huấn” là 77%, “theo dõi và xử lý sâu bệnh/dịch bệnh, tiêm phòng thú y”- 41% và “cấp hoặc trợ giá cây con giống/phân bón” là 40%. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ tham gia thực hiện “mô hình trình diễn, thử nghiệm” hoặc tham gia “sinh hoạt CLB khuyến nông, tổ nhóm cộng đồng được hỗ trợ về khuyến nông” còn thấp, tương ứng là 11% và 16%.

Tỷ lệ phụ nữ tham gia khuyến nông đã tăng lên trong vòng 5 năm qua. Tuy nhiên, tỷ lệ nam giới nhìn chung tham gia hoạt động đào tạo nhiều hơn nữ với tỷ lệ tương ứng là 63% và 27%. Lý do là tại vùng dân tộc thiểu số vẫn còn quan niệm nam giới là người “nắm khoa học kỹ thuật tốt hơn” và “giao tiếp xã hội tốt hơn”, nên có lợi hơn khi tham gia các hoạt động khuyến nông.

Số lượng phụ nữ tham gia vào các hoạt động khuyến nông vẫn thấp hơn nhiều so với nam giới

Tập huấn khuyến nông đã có nhiều cải tiến (về nội dung và phương pháp), nhưng hiệu quả còn chưa cao. Tại các điểm quan trắc, tỷ lệ người tham gia hiểu, nhớ nội dung tập huấn và áp dụng vào thực tiễn giảm dần qua các bước, người tham gia từ nhóm không nghèo cảm thấy có ích từ tập huấn nhiều hơn nhóm nghèo. Tại địa bàn miền núi dân tộc thiểu số đa phần tập huấn vẫn dùng tiếng Kinh, làm giảm tiếp cận, đặc biệt là đối với phụ nữ.

Phản hồi của người dân về khả năng hiểu, nhớ và áp dụng kiến thức khi tham gia tập huấn khuyến nông, 2011 (%)

Xã	"Hiểu hết" hoặc "Hiểu đa số"		"Nhớ hết" hoặc "Nhớ đa số"		"Áp dụng hết" hoặc "Áp dụng đa số"	
	Không nghèo	Nghèo	Không nghèo	Nghèo	Không nghèo	Nghèo
Trung bình	77	48	69	41	60	41

Mô hình trình diễn là một công cụ quan trọng trong khuyến nông, và là cơ hội cho nông dân tự học hỏi áp dụng KHKT và tăng thu nhập. Tuy nhiên, mô hình trình diễn cần phù hợp hơn với điều kiện và tập quán canh tác của người nghèo dân tộc thiểu số.

“Nói mòm trên sách một ngày không biết gì đâu. IPM thì đem cuốn đi làm, tưới bón, bắt sâu nên nhớ lâu lắm... Đây là lần đầu tiên được học và làm trực tiếp thế này, kể mà có thêm lớp dạy nuôi ngan nuôi lợn như vậy nữa thì thích.”

Chị L.T.H, phụ nữ nghèo người Thái, mới học hết lớp 2

Đội ngũ khuyến nông viên cơ sở đang được kiện toàn trong những năm qua. Phần lớn khuyến nông viên là người dân tộc thiểu số, chủ yếu là nam dưới 30 và tối thiểu đã học xong trung học cơ sở. Năng lực của khuyến nông viên cơ sở còn hạn chế vì còn thiếu những khóa đào tạo dài hạn, chuyên sâu cho khuyến nông viên cơ sở, do đó khả năng tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho bà con còn yếu. Tuy nhiên, thái độ làm việc của khuyến nông viên được đánh giá cao.

Năm 2007, chỉ có 5/10 xã khảo sát có khuyến nông viên xã; đến năm 2011 chỉ có một xã không có khuyến nông viên xã.

Gợi ý phổ biến nhất để cải thiện dịch vụ khuyến nông, theo điều tra, là “tăng cường năng lực và trình độ của khuyến nông viên”, “dịch vụ khuyến nông phải được cung cấp kịp thời cho người có nhu cầu” và “tăng hỗ trợ cho người nghèo tham gia vào dịch vụ khuyến nông”.

Cải thiện tiếp cận dịch vụ giáo dục

Giáo dục trẻ em nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có ý nghĩa quyết định đối với giảm nghèo bền vững trong tương lai

Học sinh đến trường ngày càng thuận lợi hơn do đường sá và cơ sở vật chất trường học trong năm năm qua được cải thiện. Tại trung tâm các xã khảo sát đều đã có trường Mầm non, Tiểu học (cấp 1) và THCS (cấp 2) được xây dựng kiên cố, một số trường đã đạt chuẩn quốc gia. Điểm trường lẻ ở bậc Mầm non và Tiểu học đã bao phủ hầu hết các thôn ở vùng sâu vùng xa, do đó giảm thời gian đến trường của trẻ. Đối với đa số học sinh tiểu học thường mất từ 15-30 phút để đến trường, trong khi đối với trung học phổ thông thường mất khoảng 30-60 phút. Tuy nhiên với các xã miền núi xa xôi, khoảng cách đến trường trung học phổ thông phổ biến là từ 15-30 km, học sinh nếu đi bộ phải mất cả buổi, nếu đi bằng xe máy phải mất từ 1-2 giờ. Khoảng cách đến trường quá xa là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến tỷ lệ học sinh trung học phổ thông còn thấp ở những xã miền núi xa xôi.

Ở bậc Mầm non, trẻ học bán trú chiếm tỷ lệ cao tại các điểm quan trắc, đều từ 90-95%

Học bán trú khá phổ biến ở các xã miền núi. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú ở các địa phương này; các tỉnh như Hà Giang còn có thêm các chính sách hỗ trợ khác cho học sinh.

Học bán trú giúp giảm số học sinh bỏ học, và tăng tỷ lệ chuyên cần lên hơn 95%

Tỷ lệ trẻ không đi học khác biệt tại các điểm quan trắc và các độ tuổi khác nhau. Tỷ lệ trẻ tiểu học không đi học giảm một nửa trong 5 năm qua; tại một nửa điểm quan trắc không có trẻ bỏ học. Ở lứa tuổi này, tỷ lệ trẻ em gái không đi học ngang bằng hoặc thậm chí thấp hơn so với trẻ em trai. Tỷ lệ trẻ không đi học từ độ tuổi THCS trở lên còn ở mức cao, thậm chí cao hơn so với 5 năm trước. Trẻ nghỉ học nhiều nhất khi chuyển cấp, từ cấp Tiểu học lên THCS, và nhất là từ cấp THCS lên THPT. Số học sinh THPT bỏ học tăng 4% trong vòng 5 năm qua với tỷ lệ đáng ngại là 59%.

Số liệu tại các xã được điều tra cho thấy tỉ lệ nhập học trẻ em trai và gái bằng nhau. Tuy nhiên, tại một số địa bàn dân tộc thiểu số, vẫn còn tình trạng trẻ em trai được bố mẹ ưu tiên cho đi học hơn trẻ em gái, đặc biệt từ bậc THCS trở lên, do con gái có thể làm nhiều việc nhà hơn con trai.

Tỷ lệ trẻ không đi học, 2007 - 2011 (%)

Xã	6-10 tuổi		11-14 tuổi		15-20 tuổi	
	2007	2011	2007	2011	2007	2011
Trung bình	12	5	13	15	54	59

Lý do chính khiến trẻ không đi học vẫn là “gia đình không đủ tiền”, “không thích đi học”, “học kém” và “ở nhà giúp đỡ bố mẹ”.

Phản hồi của cha mẹ học sinh về dịch vụ giáo dục tại các điểm quan trắc cho thấy tỉ lệ “hài lòng” tăng lên. Hơn 2/3 số cha mẹ phản hồi “tốt” hoặc “tương đối tốt” cho phương pháp giảng dạy và chuyên môn của giáo viên, mặc dù phần lớn cha mẹ ít có hiểu biết về hai mặt này.

9 trong 10 phụ huynh hài lòng với thái độ ứng xử của giáo viên với con cái mình

Phương pháp giảng dạy đã có tiến bộ, nhưng còn chậm đổi mới ở vùng miền núi. Tại các xã vùng thấp, các thầy cô giáo đã áp dụng từng bước phương pháp “học tập tích cực” và “lấy học sinh làm trung tâm”, tuy nhiên, tại đa số xã miền núi dân tộc thiểu số, các phương pháp giảng dạy cơ bản vẫn theo cách truyền thống.

Tình trạng luân chuyển giáo viên thường xuyên tại các địa bàn miền núi DTTS ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học. Hầu hết giáo viên có quê hoặc nhà ở vùng thấp đều muốn chuyển về gần nhà, gần quê sau 3-5 năm công tác.

Kết quả giáo dục đã tốt hơn, nhưng vẫn còn thách thức về chất lượng giáo dục. Rào cản ngôn ngữ vẫn còn là khó khăn ở khu vực dân tộc thiểu số.

Học sinh tiểu học dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn khi giao tiếp và học bằng tiếng Việt

9% cha mẹ học sinh tiểu học cho rằng giao tiếp và học bằng tiếng Việt “khó” trong khi cứ 5 phụ huynh thì 2 cha mẹ cho rằng “hơi khó”. “Dạy song ngữ” và sử dụng “nhân viên hỗ trợ giáo viên” là hai phương pháp có thể giúp khắc phục rào cản về ngôn ngữ cho học sinh tiểu học DTTS. Tuy nhiên “dạy song ngữ” tại các vùng miền núi DTTS hiện gặp nhiều khó khăn trong triển khai do thiếu kinh phí, thiếu giáo viên, thiếu tài liệu... Riêng chương trình “nhân viên hỗ trợ giáo viên” ở các thôn bản xa xôi được cộng đồng và nhà trường đánh giá rất cao, nhưng đã dừng lại từ năm 2010 sau khi dự án do Ngân hàng thế giới tài trợ kết thúc.

Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường ngày càng được cải thiện, nhờ sự nhiệt tình của giáo viên, cán bộ cơ sở và nhận thức của phụ huynh về giáo dục trẻ em tăng lên. Các thầy cô giáo cho biết, tỷ lệ tham gia các buổi họp phụ huynh hầu hết đều từ 70-90% tại các điểm quan trắc. Tuy nhiên, mức độ liên hệ thường xuyên giữa gia đình và nhà trường thường chỉ cao tại những xã thuận lợi, đồng người Kinh hơn là những xã miền núi dân tộc thiểu số.

Cứ 5 gia đình miền núi thì 4 gia đình được nhận hỗ trợ giáo dục của chính phủ

Phụ huynh ở vùng miền núi đánh giá cao những hỗ trợ của Nhà nước cho con em đi học, bao gồm miễn học phí, được cấp sách vở, đồ dùng học tập, được cấp tiền cho con em đi học

Các khoản phụ thu cao là vấn đề khá bức xúc của phụ huynh học sinh ở những xã vùng thấp. Từ 12-45% phụ huynh “không hài lòng” với các khoản đóng góp, nhưng hầu hết các bậc phụ huynh đều lo rằng nếu không đóng thì lo ngại con không được thầy cô giáo quan tâm bằng các bạn khác.

Chi phí cao làm phụ huynh lo lắng

Học thêm ngoài nhà trường khá phổ biến tại những xã có điều kiện kinh tế thuận lợi. Tại các xã vùng thấp gần trung tâm huyện hoặc thành phố có khoảng một nửa gia đình cho con đi học thêm từ 2-3 buổi/tuần với chi phí từ 20.000-30.000 đồng/buổi. Những lý do chính được đưa ra là “gia đình cảm thấy cần thiết” và “lo ngại con không đủ kiến thức”, hoặc lo ngại nếu không cho con đi học thêm thì không được thầy cô quan tâm.

Chi phí cho con ăn học từ bậc THCS trở lên đang là gánh nặng lớn với người nghèo, cả ở vùng thấp đồng người Kinh và vùng miền núi dân tộc thiểu số. Tại những địa bàn giáp ranh với đô thị, mức đóng góp cao 1-2 triệu đồng/năm học THCS, chưa kể chi phí học thêm, là khó khăn của hộ nghèo. Còn tại những xã miền núi, chi phí ăn học 1 tháng ở huyện lên đến 1 triệu đồng. Chính vì vậy, trẻ em đi học THPT ở các vùng miền núi dân tộc thiểu số vẫn thường là con của những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả trong thôn.

Mỗi sinh viên đi học tại Vinh chi phí bình quân khoảng 12-16 triệu đồng/năm, học tại Hà Nội hoặc TP HCM khoảng 20-25 triệu đồng/năm. Những hộ gia đình có con đi học Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thường được thôn xếp vào danh sách hộ nghèo để được vay các nguồn vốn ưu đãi.

Phần lớn gia đình cho con đi học cao đẳng/đại học phải đi vay

Hướng đến Giảm Nghèo Bền vững ở các Vùng Nông thôn Việt Nam

Đề xuất thảo luận dựa trên kết quả của Dự án Theo dõi nghèo nông thôn 2007 – 2011

Thành tựu chính trong các biện pháp giảm nghèo nông thôn hiện nay

- Việt Nam tiếp tục thành công trong giảm nghèo và tỷ lệ nghèo nhìn chung tiếp tục giảm
- Hệ thống an sinh xã hội đang hướng tới người dễ bị tổn thương và cung cấp hỗ trợ quan trọng để thoát nghèo
- Dịch vụ khuyến nông đã mở rộng và tiếp cận nhiều nông dân ở nhiều xã hơn
- Thanh niên đi lao động tại các khu đô thị tạo ra nhiều cơ hội việc làm, học tập và tiền gửi về cho các hộ gia đình nông thôn
- Học sinh có thể tiếp cận nhiều cơ hội học tập hơn và có thử nghiệm giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ cho dân tộc thiểu số

Thách thức cho giai đoạn giảm nghèo tới

- Nhiều người còn nghèo kinh niên và nhiều người khác có khả năng tái nghèo
- Các chương trình an sinh xã hội bao phủ chưa đủ, mức hỗ trợ thấp so với chi phí cuộc sống và nhiều khi chưa đúng đối tượng
- Dịch vụ khuyến nông không phải lúc nào cũng đáp ứng nhu cầu của nông dân về nội dung và phù hợp với bối cảnh
- Người di cư ra đô thị gặp phải khó khăn khi tiếp cận dịch vụ cơ bản và rủi ro do việc làm không ổn định
- Chi phí trả thêm và chi phí không chính thức cho giáo dục với các hộ gia đình đang tăng và làm cản trở tiếp cận giáo dục, làm cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục mở rộng gặp rủi ro.

Mặc dù có nhiều tiến bộ, giảm nghèo vẫn là một ưu tiên cấp thiết. Số người nghèo ở nông thôn giảm mặc dù giảm nhưng không đồng đều. Nghèo kinh niên còn lại đang tập trung hơn, đặc biệt là tại các dân tộc thiểu số. Trong khi cả nước có tiến bộ thì nhiều người vẫn thiếu lương thực tới 4-5 tháng/năm. Những người sống ở mức cận nghèo có khả năng tái nghèo do lạm phát cao, khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai và dịch bệnh.

Để nhận diện và xử lý những hình thức nghèo và bất bình đẳng đang nổi lên, **cần hiểu rộng hơn về nghèo.** Nghèo có tính chất đa chiều và nguyên nhân nghèo thường đa dạng và phức tạp. Các nhóm nghèo kinh niên, nghèo dễ bị tổn thương, nghèo tạm thời và cận nghèo cần có các phương pháp tiếp cận khác nhau, các chính sách và đầu tư công cần tập trung để có hiệu quả hơn. Không có cơ hội tiếp cận việc làm tạo thu nhập và thiếu tiếng nói để có lựa chọn tốt hơn và yêu cầu quyền lợi, là những yếu tố đóng góp quan trọng vào tình trạng nghèo. Thêm vào đó, cần hiểu và đánh giá tốt hơn nhu cầu và mong muốn của các cộng đồng, các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau.

Hộ gia đình cần có nhiều lựa chọn để thoát nghèo. Thêm các cơ hội sinh kế và đa dạng hóa cây trồng, tiếp cận dịch vụ khuyến nông, giáo dục chất lượng và giá cả hợp lý, di chuyển lao động và di cư là những con đường quan trọng thoát nghèo đồng thời khuyến khích cải cách kinh tế và hiện đại hóa ở Việt Nam. Cả gia đình, xã hội và chính phủ đều cần đưa ra sự lựa chọn mới dựa trên hiểu biết, tiếng nói của người dân cần được lắng nghe để các nhà lập chính sách thiết kế ra các chiến lược tăng trưởng mang tính bền vững, bình đẳng và chất lượng. Những người di cư vì sinh kế thường bị phân biệt đối xử khi tiếp cận dịch vụ cơ bản vì vậy cần loại bỏ trở ngại đó để xúc tiến việc giảm nghèo cả ở nông thôn và đô thị.

Nông dân nhỏ và kinh tế nông thôn vẫn là thành phần quan trọng trong quá trình phát triển của Việt Nam, mặc dù việc tích tụ và chuyển đổi mục đích đất đai sang lĩnh vực kinh tế khác cũng là một phần của quá trình hiện đại hóa nông nghiệp. Nông dân Việt Nam đã chứng tỏ khả năng tự bảo vệ cuộc sống của họ trong giai đoạn này của quá trình phát triển của đất nước, và quản lý đất đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định tương lai của nông dân.

Gợi ý cho các biện pháp giảm nghèo sắp tới

1. Cần thiết kế những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn và phù hợp hơn với nhóm nghèo kinh niên bằng cách thay đổi cốt lõi phương pháp tiếp cận, chiến lược và thực hiện các chính sách hỗ trợ xã hội. Những cải tiến mới, như cấp tiền mặt trực tiếp cần được thử nghiệm, đặc biệt là đối với các hộ chưa đủ ăn và cộng đồng dân tộc thiểu số.
2. Các chính sách an sinh xã hội cần mở rộng diện hưởng lợi đến các nhóm nghèo khác nhau. Định mức trợ giúp xã hội cần tăng lên để phù hợp với chi phí sinh hoạt tăng, và có cơ chế ra khỏi chính sách để tiếp tục hỗ trợ họ khi đã thoát nghèo.
3. Dịch vụ khuyến nông cần đổi mới, đặc biệt là ở vùng miền núi dân tộc thiểu số. Phương pháp đào tạo cần có sự tham gia hơn và thêm thực hành tại đồng ruộng, cần nhận thức sự khác biệt nhu cầu giữa nam và nữ, cần nhấn mạnh vào các dự án hướng tới cải thiện và thay đổi mô hình sinh kế của người nghèo, đặc biệt quan tâm đến mô hình đầu tư chi phí thấp, phù hợp với điều kiện và chiến lược thoát nghèo của người nghèo dân tộc thiểu số.
4. Chính sách của Chính phủ cần khuyến khích và hỗ trợ người dân di cư hơn là hạn chế. Đặc biệt là Chính phủ nên tập trung vào cung cấp thông tin việc làm, dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí cho người di cư, và hỗ trợ phát triển mạng lưới xã hội dựa vào cộng đồng cho người di cư cả nơi đến lẫn nơi đi. Cần đảm bảo tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người di cư. Cần nỗ lực đặc biệt để hỗ trợ người dân tộc thiểu số vượt qua rào cản ngôn ngữ. Chính sách di cư tốt có thể giải quyết vấn đề nghèo đô thị.
5. Trong lĩnh vực giáo dục, cần xem xét lại các hỗ trợ xã hội đối với chi phí giáo dục, đồng thời giải quyết vấn đề tham nhũng. Các chương trình đào tạo bằng tiếng mẹ đẻ cho các cộng đồng dân tộc thiểu số cần được mở rộng.

Oxfam là một liên minh quốc tế gồm 17 tổ chức cùng phối hợp hoạt động tại 92 quốc gia, hướng tới sự thay đổi toàn cầu nhằm xây dựng một tương lai không có bất công do đói nghèo. Tại Việt Nam, Oxfam là một trong các tổ chức phi chính phủ quốc tế hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn, phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu rủi ro với hiểm họa và thảm họa, cứu trợ nhân đạo, phát triển xã hội dân sự, dân tộc thiểu số và nâng cao vị thế của phụ nữ. www.oxfam.org

ActionAid là một tổ chức quốc tế chống đói nghèo làm việc tại hơn 40 quốc gia, sát cánh cùng người nghèo để chấm dứt đói nghèo và bất công. ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (AAV) là một bộ phận của ActionAid Quốc tế (AAI) và chuẩn bị trở thành thành viên đầy đủ của Liên đoàn toàn cầu này. AAV đã hoạt động tại Việt Nam được 20 năm với các chương trình phát triển dài hạn tại các vùng núi Tây Bắc, khu vực Tây Nguyên, và đồng bằng sông Cửu Long. Áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, AAV thực hiện các cam kết của mình thông qua 5 ưu tiên về chương trình: (1) Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững; (2) Nâng cao trách nhiệm giải trình và tinh đoàn kết nhân dân nhằm thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự; (3) Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cho trẻ em; (4) Ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu bằng các phương pháp lấy con người làm trung tâm; và (5) Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái. www.actionaid.org/vietnam